

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Tín

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Trân

Bà Thái Thị Mỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 480/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Ngô Hữu H**, sinh năm: 199x

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa

(Chỗ ở hiện nay: Thôn Tr, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa); có mặt.

**- Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Yến N**, sinh năm: 199x

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Hữu H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông (Ngô Hữu H) và bà Nguyễn Thị Yến N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã D ngày 17/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông về nhà của cha mẹ vợ tại thôn T, xã D sinh sống; quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông diễn ra bình thường. Đến năm 2018, vợ chồng ông ra ở riêng cũng tại thôn T, xã D và từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tôn giáo; ông không theo tôn giáo nào nhưng bà N bắt ông phải theo đạo Thiên Chúa; ngoài ra, tính cách, quan điểm về làm ăn, kinh doanh của vợ chồng

ông khác nhau. Gia đình hai bên có biết mâu thuẫn của vợ chồng ông và đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được và ngày càng trầm trọng. Do không thể tiếp tục chung sống, đầu tháng 3/2021, ông đã chuyển về nhà cha mẹ đẻ của ông tại thôn Tr, xã D sinh sống; vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn; không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Ngô Hữu K, sinh ngày: 23/8/201x và đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*- Tại bản tự khai ngày 17/12/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Yến N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, bà (Nguyễn Thị Yến N) và ông Ngô Hữu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không thể giải quyết được nên vợ chồng bà đã sống ly thân. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn với ông H vì theo quy định của đạo Thiên Chúa thì không được phép ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có một con chung là Ngô Hữu K, sinh ngày: 23/8/201x. Nếu Tòa án xử ly hôn, thì bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không tham gia phiên họp hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ngô Hữu H đối với bà Nguyễn Thị Yến N. Giao con chung Ngô Hữu K cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xét. Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Yến N tham gia phiên tòa nhưng bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 17/5/2016, ông Ngô Hữu H và bà Nguyễn Thị Yến N đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H xác định cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc và hiện không còn tình cảm, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Bà N vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 17/12/2020, bà N khai nhận giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể giải quyết được nên đã sống ly thân. Việc bà N không đồng ý ly hôn ông H là vì lý do tôn giáo. Đồng thời, việc bà N không tham gia phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và vắng mặt tại phiên tòa không lý do thể hiện việc bà N không thật sự quan tâm, không tha thiết duy trì mối quan hệ vợ chồng với ông H. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Ông H và bà N xác định có 01 con chung là Ngô Hữu K, sinh ngày: 23/8/201x; hiện cháu K đang sống với bà N. Trường hợp Tòa án xử lý hôn, các đương sự thống nhất giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Ông H và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Ông H và bà N xác định không có nợ chung.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Ngô Hữu H được ly hôn bà Nguyễn Thị Yên N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Ngô Hữu K, sinh ngày: 23/8/201x cho bà Nguyễn Thị Yên N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Ngô Hữu H không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Ngô Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, ông Ngô Hữu H và bà Nguyễn Thị Yên N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Ngô Hữu H và bà Nguyễn Thị Yên N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Ngô Hữu H và bà Nguyễn Thị Yên N xác định không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Ngô Hữu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Ngô Hữu H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001973 ngày 4/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Ông Ngô Hữu H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Ông Ngô Hữu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Yên N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã D, huyện Diên Khánh  
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trung Tín**